

Số: 228/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Minh Hoàng

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Mai Thị Năm- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 329/2025/VLĐ-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 184/2025/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Lê Thị Kiều L, sinh năm 1995; thường trú: ấp B, phường B, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số E, đường N, khu phố B, phường L, T phố Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Ngọc Hồng P, sinh năm 2003; địa chỉ: số B P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh- là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/9/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1999; thường trú: tổ A, ấp B, phường B, tỉnh An Giang. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH S; địa chỉ: Số B V, đường số C, Khu công nghiệp V-Singapore, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Lê Thị Kiều L và người đại diện theo ủy quyền ông Lê Ngọc Hồng P trình bày:*

Từ tháng 12/2013 đến tháng 05/2024, bà Lê Thị Kiều L đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH M1 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với số sổ 8913013196. Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty này, bà Lê Thị Kiều L chưa thực hiện hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

Nay bà Lê Thị Kiều L có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội một lần thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Lê Thị Kiều L bị trùng.

Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là vì vào tháng 03/2014, bà Lê Thị Kiều L cho người quen là bà Nguyễn Thị Mỹ D mượn chứng minh nhân dân của bà Lê Thị Kiều L để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 03/2014 đến tháng 08/2014 do thời điểm này bà Nguyễn Thị Mỹ D không đủ điều kiện xin việc làm. Quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị Mỹ D được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm là 7412203191.

Nhận thấy, việc bà Nguyễn Thị Mỹ D sử dụng chứng minh nhân dân của bà Lê Thị Kiều L để giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S dưới tên bà Lê Thị Kiều L là sai quy định, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Kiều L nên bà Lê Thị Kiều L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Kiều L và Công ty TNHH S là vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và bà Lê Thị Kiều L là người quen với nhau. Khoảng tháng 03/2014, bà Nguyễn Thị Mỹ D chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Lê Thị Kiều L để đi làm tại Công ty TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2014 đến tháng 08/2014 với mã số sổ bảo hiểm là 7412203191. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ D thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Kiều L và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Kiều L với Công ty TNHH S vô hiệu. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty TNHH S thì bà Nguyễn Thị Mỹ D chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp. Bà Nguyễn Thị Mỹ D cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều L và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S trình bày:

Bà Lê Thị Kiều L có giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội. Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty TNHH S đều phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ, có xác nhận của chính quyền địa phương. Công ty TNHH S không hề biết việc có người mượn giấy tờ của bà Lê Thị Kiều L để làm việc tại Công ty, do khi tuyển dụng số người lao động rất đông. Nay bà Lê Thị Kiều L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Kiều L và Công ty TNHH S vô hiệu thì Công ty TNHH S không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì Công ty TNHH S không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L1- Thành phố Hồ Chí Minh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu bà Lê Thị Kiều L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Lê Thị Kiều L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 03/2014 đến tháng 08/2014, người lao động Lê Thị Kiều L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7412203191. Tuy nhiên, bà Lê Thị Kiều L và bà Nguyễn Thị Mỹ D đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 8/2014 là bà Nguyễn Thị Mỹ D (do bà Lê Thị Kiều L cho bà Nguyễn Thị Mỹ D mượn hồ sơ cá nhân).

[3] Xét thấy, lời khai của bà Lê Thị Kiều L và bà Nguyễn Thị Mỹ D phù hợp với xác nhận tại Công văn số 568/CV-BHXXH ngày 09/9/2025 của Bảo hiểm cơ sở L1 thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2013 đến tháng 05/2024, bà Lê Thị Kiều L đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc ở Công ty TNHH M1 và được Công ty TNHH M1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp số sổ 8913013196. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S trong khoảng thời gian tháng 03/2014 đến tháng 08/2014 là bà Nguyễn Thị Mỹ D, không phải là bà Lê Thị Kiều L. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Kiều L với Công ty TNHH S theo sổ bảo hiểm xã hội là 7412203191 bị vô hiệu.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều L và ý kiến của bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH S trong giai đoạn từ tháng 03/2014 đến tháng 08/2014 là bà Nguyễn Thị Mỹ D, không phải là bà Lê Thị Kiều L. Bà Nguyễn Thị Mỹ D và bà Lê Thị Kiều L có quyền liên hệ cơ quan

bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412203191.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Lê Thị Kiều L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 17, 18, 19 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lê Thị Kiều L

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Kiều L với Công ty TNHH S (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412203191) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412203191 không phải là bà Lê Thị Kiều L, sinh năm 1995; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 089195009802. Bà Lê Thị Kiều L và bà Nguyễn Thị Mỹ D được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412203191.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lê Thị Kiều L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0020359 ngày 26/9/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Minh Hoàng